

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **27/2022/DS-ST**

Ngày 29/9/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Cương;

2/ Ông Nguyễn Đức Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên (Viện kiểm sát có Thông báo số 548/CV-VKS ngày 09/9/2022 về việc Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa do xác định Tòa án nhân dân huyện Yên Thế không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ gì).

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02, L, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh S- Chức vụ: Giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Đinh Quang V- Chức vụ: Phó giám đốc A chi nhánh huyện Y, B II; Địa chỉ: Số 10, Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện Y, tỉnh B (Văn bản ủy quyền số 12/7/2021/UQ- GD ngày 12/7/2021)- Có đơn xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Bản T, xã Canh N, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2022, kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tài Tòa án nhân dân huyện Yên Thế có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp nguyên đơn (ông Đinh Quang V) trình bày:

Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị T chi tiết như sau:

Tại Hợp đồng tín dụng số: 2508LAV201900454 ngày 11/02/2019, bà Nguyễn Thị T đã ký kết vay tiền của A Chi nhánh huyện Y, B II, Phòng giao dịch Mỏ Trạng; Số tiền vay là : 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay: chi phíS xuất, kinh doanh, đời sống của gia đình.

Ngày 26/02/2020 bà Thế nhận nợ số tiền 100.000.000đ, lãi suất tiền vay là 11%/năm, hạn trả phân kỳ: Ngày 26/02/2021 số tiền gốc phải trả 20.000.000đ, nhưng bà Thế không trả, vì vậy dư nợ hiện tại: 100.000.000đ đã chuyển quá hạn từ 27/02/2021. Đến ngày 16/8/2022 thì bà Thế mới trả cho Ngân hàng được số tiền lãi là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) nên Ngân hàng nhất trí trừ vào số tiền lãi mà bà Thế còn nợ của Ngân hàng.

A Chi nhánh huyện Y- Phòng giao dịch M đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng nhưng không có kết quả.

Tính đến ngày 29/9/2022, bà Nguyễn Thị T còn nợ A các khoản sau: Tiền vay gốc: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); lãi trong hạn và quá hạn: 21.849.315đ (Hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Như vậy, đến ngày 29/9/2022 tổng cả gốc và lãi bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho A của hợp đồng nêu trên là: 121.849.315đ (Một trăm hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

A đề nghị Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang giải quyết buộc:

Bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả A chi nhánh huyện Yên Thế số tiền gốc, lãi đến hết ngày 29/9/2022 là: 121.849.315đ (Một trăm hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng), trong đó tiền gốc: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); lãi trong hạn và quá hạn: 21.849.315đ (Hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định của A chi nhánh huyện Y, B II. Ngoài ra Ngân hàng không yêu cầu gì khác nữa.

Bị đơn (bà Nguyễn Thị T) trình bày: Bà xác định ngày 11/02/2019 bà có vay của Ngân hàng N- Chi nhánh huyện Y, B II số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), sau khi hai bên ký kết hợp đồng tín dụng, bà đã nhận đủ số tiền vay của Ngân hàng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, lại vay mượn bên ngoài nhiều nên không thanh toán được số tiền vay gốc của Ngân hàng, tiền lãi mới thanh toán trả cho Ngân hàng được số tiền là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi đến hết ngày 18/4/2022 là: 25.435.616đ và lãi phát sinh từ ngày 19/4/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định của A chi nhánh huyện Y, B II, bà đề nghị Ngân hàng cho bà được trả dần, cụ thể là trong vòng 01 tháng tính từ ngày 18/8/2022 bà sẽ thu xếp trả cho Ngân hàng hết toàn bộ số tiền lãi của hợp đồng vay, còn số tiền gốc bà sẽ trả dần cho Ngân hàng, số tiền trả gốc cụ thể bà sẽ có ý kiến sau.

Tại phiên tòa, do Viện kiểm sát có Thông báo về việc Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa vì xác định Tòa án nhân dân huyện Yên Thế không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ gì nên tại phiên tòa không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát

nhân dân huyện Yên Thế, không có phát biết của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án cũng như việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2022 của Ngân hàng A đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị T (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập họp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228; Điều 238, khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. Xét việc Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán trả tiền vay còn nợ của còn nợ của hợp đồng tín dụng số 2508LAV201900454 ngày 11/02/2019 gồm vốn gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 29/9/2022 là: 21.849.315đ (Hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng); Tổng cả gốc và lãi bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho A của hợp đồng nêu trên là: 121.849.315đ (Một trăm hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) thấy rằng: Tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định sau khi bà Thế và Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao tổng số tiền cho vay gốc theo thỏa thuận cho bà Thế, sau đó bà Thế đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên Ngân hàng có đơn khởi kiện. Bà Thế cũng thừa nhận còn nợ của Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi như Ngân hàng khởi kiện, nhưng do điều kiện khó khăn nên chưa thanh toán trả được gốc và lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận của hợp đồng, bà Thế đề nghị Ngân hàng cho bà Thế được trả dần số tiền còn nợ. Vì vậy, xác định việc bà bà Thế còn nợ của Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II số tiền vay tại hợp đồng tín dụng số 2508LAV201900454 ngày 11/02/2019 gồm vốn gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 29/9/2022 là: 21.849.315đ (Hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng); Tổng cả gốc và lãi bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho A của hợp đồng nêu trên là: 121.849.315đ (Một trăm hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng) là có căn cứ, cần buộc bà Thế phải có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II số tiền này.

[2].1. Xét việc Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II yêu cầu bà Nguyễn Thị T tiếp tục trả tiền chậm trả lãi, lãi quá hạn theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp

đồng tín dụng của A, tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc, thấy rằng: Giữa Ngân hàng và bà Thế đã thỏa thuận và ký kết trong hợp đồng về việc trả lãi theo các điều khoản quy định cụ thể trong hợp đồng, thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật; vì vậy, bà Thế vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng của A, tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc.

[3]. *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 470; Điều 317; Điều 318; Điều 319; khoản 2 Điều 357; Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II (A);

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 2508LAV201900454 ngày 11/02/2019, gồm vốn gốc: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); lãi trong hạn và quá hạn là: 21.849.315đ (Hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng); Tổng cả gốc và lãi bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho A của hợp đồng nêu trên là: 121.849.315đ (Một trăm hai mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

2. Bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng của A, tính kể từ ngày 30/9/2022 đến ngày trả dứt nợ.

Về án phí: **Áp dụng Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 6.642.500đ (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng N- Chi nhánh Y, B II số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.135.000đ (Ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008858 ngày 06/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn